

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 08/5/2020

V/v ly hôn giữa chị N và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Duy Văn

Ông: Nguyễn Thanh Toàn

- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng –Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên toà: không

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đinh Thị Hồng N; sinh năm 198*

Địa chỉ: thôn 1 T, xã Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: anh Đinh Vũ T; sinh năm 1988

Địa chỉ: tiểu khu *, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2019 và trong bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Hồng N trình bày:

- về hôn nhân: chị và anh T quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Quy Hóa, huyện Minh

Hóa, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hợp tính tình, đời sống chung không thể kéo dài, mặc dù hai vợ chồng đã rất cố gắng, hai gia đình Nội, Ngoại đã can thiệp nhưng hai vợ chồng vẫn không kiềm chế được bức xúc mỗi khi chung sống trong cùng một mái nhà. Hiện tại chị cũng không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh T.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Đan L, sinh ngày 25/10/2012 và Đinh Đăng A, sinh ngày 16/4/2018, hiện tại con đang ở với chị N, nguyện vọng của chị N là xin được nuôi dưỡng hai con là L và A và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án anh Đinh Vũ T trình bày:

- về hôn nhân: anh mong muốn Tòa án tiến hành hòa giải để hai vợ chồng quay lại đoàn tụ, nuôi dạy con cái.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Đan L, sinh ngày 25/10/2012 và Đinh Đăng A, sinh ngày 16/4/2018, do anh không đồng ý ly hôn nên không muốn chia con chung.

- tài sản chung và nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả, do chị N muốn ly hôn, anh T không đồng ý.

Ngày 19/3/2020, Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị N và anh T. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa vì vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và xin được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi hai con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: việc chị Đinh Thị Hồng N yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đinh Vũ T, căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa nên yêu cầu khởi kiện

là đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh T kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND xã Quy Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Hồng N: vợ chồng chị N và anh T không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai và tại phiên tòa. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống. Bản thân anh T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp nào để giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị N kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Đan L, sinh ngày 25/10/2012 và Đinh Đăng A, sinh ngày 16/4/2018, hiện tại con đang ở với chị N, nguyện vọng của chị N là xin được nuôi dưỡng hai con.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại con đang ở chị N, chị N cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng hai con, cháu L cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu L, A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đinh Vũ T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung theo chứng cứ và yêu cầu của chị N. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[6]. Anh Đinh Vũ T được Tòa án triệu tập đến để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, anh T đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời

trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[7]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đinh Thị Hồng N phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Hồng N và anh Đinh Vũ T.
2. Về con chung: giao hai con chung là Đinh Đan L, sinh ngày 25/10/2012 và Đinh Đăng A, sinh ngày 16/4/2018 cho chị Đinh Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Toà án không giải quyết.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom đến cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, có quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: chị Đinh Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0004202 ngày 21/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

5. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/5/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Quy Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh